



VN-Index tăng mạnh 1,1%

Ngày báo cáo 16/4/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích
research@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index tăng mạnh 1,1%

VN-Index tăng 1,1% (+19,2 điểm) trong phiên thứ Năm, đóng cửa tại 1.819,8 điểm. Trong phiên thứ hai liên tiếp, các cổ phiếu liên quan đến Vingroup bao gồm VIC (+6,9%), VHM (+4,5%) và VPL (+2,5%) dẫn dắt chỉ số. Toàn sản ghi nhận 105 mã tăng, 213 mã giảm và 60 mã đi ngang. Thanh khoản tăng so với phiên trước, đạt 27,9 nghìn tỷ đồng.

- Nhóm Ngân hàng diễn biến kém tích cực khi VCB (-0,8%), CTG (-1,3%), MBB (-1,1%), LPB (-0,8%) và HDB (-0,9%) sụt giảm. Ngược lại, VPB (+0,9%) tăng điểm.
- Trong nhóm Dịch vụ Tài chính, TCX (-1,9%), VCK (-4,8%), VIX (-2,2%) và VND (-1,5%) giảm mạnh.
- Các mã tăng đáng chú ý ở các nhóm ngành khác bao gồm các cổ phiếu Bán lẻ/Tiêu dùng như MWG (+1,6%) và MSN (+1,0%), công ty Bất động sản KBC (+5,0%), doanh nghiệp Hóa chất DPM (+1,1%), công ty Nhựa BMP (+6,1%) và cổ phiếu Điện POW (+2,3%).
- Các mã giảm điểm đáng kể bao gồm doanh nghiệp sản xuất Cao su GVR (-2,4%), cổ phiếu Tiện ích GAS (-1,0%), công ty Công nghiệp GEE (-3,8%), tập đoàn Công nghệ FPT (-1,3%) và các doanh nghiệp Dầu khí BSR (-1,3%), PLX (-1,8%).

Điểm tin & Nhận định nhanh

- HPG: Sản lượng bán quý 1/2026 tăng trưởng mạnh ở tất cả các nhóm sản phẩm
- VPB đề xuất kế hoạch phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài
- FPT: Kế hoạch LNTT năm 2026 tăng 15% YoY; "AI-First" là chiến lược cốt lõi - Báo cáo ĐHCĐ
- MSR: Triển vọng tăng trưởng lợi nhuận mạnh và kế hoạch niêm yết trên HOSE - Báo cáo ĐHCĐ
- PTB: Triển vọng doanh thu tăng trưởng mạnh mẽ ở tất cả các mảng; áp lực biên chi phí đầu vào là yếu tố cần theo dõi - Báo cáo ĐHCĐ
- SZC: Kế hoạch lợi nhuận năm 2026 mang tính thận trọng, phản ánh khả năng thay đổi phương pháp kế toán; doanh số bán đất KCN và dòng tiền dự kiến phục hồi YoY - Báo cáo ĐHCĐ

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1819,8	256,5	128,2
% Δ	1,1%	1,5%	-0,5%
- % Δ 1 tuần	4,8%	2,2%	0,6%
- % YTD	2,0%	2,4%	6,2%
- % YOY	50,4%	22,5%	41,9%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$1.061,8	\$48,1	\$13,0
- TB 1 tháng (triệu)	\$948,6	\$58,4	\$22,3
- TB 1 năm (triệu)	\$1.137,0	\$80,6	\$33,1
- TB QTD	\$955,3	\$55,7	\$20,5
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-20,4%	-28,8%	-42,2%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$112,2	\$3,4	\$0,1
- Bán (triệu)	\$156,0	\$2,5	\$0,1
- GT ròng (triệu)	-\$43,8	\$0,9	\$0,0
Độ rộng TT			
Mã tăng	114	61	103
Mã giảm	216	71	166
Không đổi	94	173	602
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	326,6	17,5	52,0
P/E trượt 12T	14,7	10,5	15,7
LS cổ tức*	3,2%	4,6%	13,3%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	1.980,5	N/A	1.207,4
VN30F2M	1.971,9	21.242	235,2
VN30F1Q	1.969,9	1.240	2,2
VN30F2Q	1.973,7	307	0,2
VN100F1M	1.908,0	N/A	0,2
VN100F2M	1.900,4	39	0,4
VN100F1Q	1.896,0	16	0,1
VN100F2Q	1.898,9	16	0,0
USD/VND		26.334	

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Quan điểm kỹ thuật

Về tín hiệu kỹ thuật, VN-Index vận động trên đường MA50 và MA200, qua đó duy trì tín hiệu tăng và mở ra khả năng hướng lên vùng đỉnh cũ 1.900–1.920 điểm. Dù vậy, sự phụ thuộc vào nhóm Vingroup khiến chỉ số khó tránh khỏi các nhịp điều chỉnh ngắn hạn khi lực bán xuất hiện tại nhóm này. Trong bối cảnh đó, chúng tôi cho rằng các nhóm ngành khác như Ngân hàng, Bán lẻ, Tiêu dùng vẫn đủ điều kiện cân bằng về mặt điểm số, qua đó hỗ trợ VN-Index duy trì xu hướng tăng hiện tại.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

HPG: Sản lượng bán quý 1/2026 tăng trưởng mạnh ở tất cả các nhóm sản phẩm

CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG) đã công bố trên website của công ty sản lượng bán quý 1/2026 như sau:

* Thép xây dựng:

- Sản lượng bán trong tháng 3/2026 đạt 542.000 tấn (+72% MoM từ mức nền thấp do kỳ nghỉ Tết rơi vào tháng 2; +7% YoY), gần với mức cao lịch sử. Mức tăng mạnh so với tháng trước chủ yếu đến từ mức nền thấp trong tháng 2 do kỳ nghỉ Tết. Chúng tôi cho rằng kết quả tích cực này được hỗ trợ bởi (1) cao điểm mùa xây dựng, đặc biệt nhờ việc đẩy mạnh hoạt động đầu tư hạ tầng, và (2) đà tăng giá thép trong tháng, chủ yếu do áp lực tăng giá theo chi phí trong bối cảnh gián đoạn nguồn cung tại Trung Đông.

- Nhìn chung, sản lượng bán thép xây dựng quý 1/2026 đạt 1,43 triệu tấn (+8% QoQ; +20% YoY), tương đương 26% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi. Đây là mức theo quý cao nhất từ trước đến nay và nhỉnh hơn nhẹ so với kỳ vọng của chúng tôi.

* HRC:

- Sản lượng bán HRC trong tháng 3/2026 đạt 565.000 tấn (+21% MoM; +14% YoY), là mức cao thứ hai theo tháng trong lịch sử. Mức tăng trưởng mạnh YoY chủ yếu đến từ đóng góp gia tăng của DQSC2, khi cả Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2 đều đã đi vào vận hành, so với việc chỉ vận hành Giai đoạn 1 vào tháng 3 năm ngoái. Trong khi đó, nguyên nhân của mức phục hồi MoM chủ yếu đến từ mức nền thấp trong tháng 2 do ảnh hưởng của kỳ nghỉ Tết.

- Nhìn chung, sản lượng bán HRC đã đạt 1,47 triệu tấn (-10% QoQ; +48% YoY) trong quý 1/2026, tương ứng với mức hiệu suất hoạt động bình quân là khoảng 70%, thấp hơn giả định cả năm của chúng tôi là 80%. Bên cạnh yếu tố mức nền cao, qua trao đổi với các bên trong ngành, mức giảm so với quý trước cũng một phần đến từ diễn biến tương đối yếu trong tháng 1/2026, chủ yếu do áp lực cạnh tranh từ HRC khổ rộng nhập khẩu từ Trung Quốc.

- Tuy nhiên, mức thuế chống lẩn tránh tạm thời mới áp dụng đối với HRC khổ rộng nhập khẩu từ Trung Quốc (có hiệu lực từ giữa tháng 4/2026) sẽ giúp giảm bớt áp lực cạnh tranh từ nhóm hàng nhập khẩu này trong thời gian tới. Do đó, hiện tại chúng tôi nhận thấy không có sự thay đổi đáng kể đối với dự báo sản lượng bán HRC của chúng tôi.

* Ống thép:

- Sản lượng bán quý 1/2026 đạt 241.000 tấn, tăng 13% QoQ và 30% YoY, tương đương 26% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi. Kết quả này nhìn chung cao hơn nhẹ so với kỳ vọng.

* Tôn mạ:

- Sản lượng bán quý 1/2026 đạt 106.000 tấn, tăng 3% QoQ và 19% YoY, tương đương 25% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi.

Sản lượng bán thép quý 1/2026 của HPG

Nghìn tấn	T3/ 2025	T2/ 2026	T3/ 2026	YoY	MoM	Q1 2025	Q4 2025	Q1 2026	QoQ	YoY	Dự báo 2026	KQ Q1/ Dự báo 2026
Thép xây dựng	505	315	542	7%	72%	1.192	1.322	1.430	8%	20%	5.436	26%
HRC	496	468	565	14%	21%	994	1.642	1.471	-10%	48%	6.720	22%
Ống thép	63	67	97	54%	45%	186	213	241	13%	30%	925	26%
Tôn mạ	29	25	38	33%	54%	89	103	106	3%	19%	423	25%

Nguồn: HPG, Vietcap

VPB đề xuất kế hoạch phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài

- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB) đã bổ sung một nội dung trình cổ đông thông qua tại ĐHCĐ năm 2026, bao gồm kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 100 nghìn tỷ đồng lên 106,2 nghìn tỷ đồng (phát hành thêm 624,4 triệu cổ phiếu sơ cấp) thông qua phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài. Đợt phát hành dự kiến thực hiện trong quý 3–quý 4/2026, sau khi được cơ quan quản lý chấp thuận và sau khi hoàn tất chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 100:26.04 (dự kiến trong quý 2–quý 3/2026).

- Tính đến ngày 8/4, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại VPB ở mức khoảng 25%. Theo tờ trình, sau đợt phát hành riêng lẻ, tỷ lệ này có thể tăng lên khoảng 34% tại thời điểm. Tuy nhiên, VPB có thể được nâng room ngoại lên tối đa 49%, nhờ tham gia tái cơ cấu GPBank.

Quan điểm của chúng tôi: Dù ngân hàng chưa công bố danh tính nhà đầu tư mục tiêu, chúng tôi cho rằng SMBC là ứng viên khả dĩ nhất. Hiện SMBC đang sở hữu 15% cổ phần VPB với vai trò cổ đông chiến lược nước ngoài; nếu tham gia đợt phát hành này, tỷ lệ sở hữu có thể tăng lên 20% sau giao dịch. Chúng tôi cho rằng kịch bản này sẽ tiếp tục củng cố quan hệ hợp tác chiến lược, đồng thời bổ sung nguồn vốn cho VPB để hỗ trợ kế hoạch tăng trưởng cao trong các năm tới. Trước đó, năm 2023, VPB đã bán 15% cổ phần cho SMBC với giá 30.159 đồng/cổ phiếu tại thời điểm đó, tương ứng P/B năm 2022 trước giao dịch là 2,1 lần và sau giao dịch là 1,5 lần, theo ước tính của chúng tôi.

FPT: Kế hoạch LNTT năm 2026 tăng 15% YoY; “AI-First” là chiến lược cốt lõi - Báo cáo ĐHCĐ

Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của FPT vào ngày 16/04/2026. Dưới đây là các điểm chính chúng tôi ghi nhận được.

1. Các nghị quyết chính tại ĐHCĐ:

* Kế hoạch năm 2026: ĐHCĐ đã thông qua kế hoạch cơ sở năm 2026 trên cơ sở so sánh tương đương (LFL) (tức là ghi nhận đóng góp của FPT Telecom theo phương pháp vốn chủ sở hữu), bao gồm doanh thu 58,6 nghìn tỷ đồng (+16% YoY; tương đương 103% dự báo LFL của chúng tôi) và LNTT 11,6 nghìn tỷ đồng (+15% YoY; tương đương 117% dự báo LFL của chúng tôi). Chúng tôi đánh giá kế hoạch này không tạo ra thay đổi đáng kể đối với dự báo 2026 hiện tại của chúng tôi, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết.

Hình 1: Kế hoạch LFL năm 2026

Tỷ đồng	Kế hoạch LFL năm 2026	YoY
Doanh thu	58.580	+16%
Công nghệ	52.650	+18%
Giáo dục, Đầu tư & Khác	5.930	-3%
LNTT	11.629	+15%
Công nghệ	7.350	+25%
Giáo dục, Đầu tư & Khác	4.279	+1%

Nguồn: FPT, Vietcap

Hình 2: Kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2026

Tỷ đồng	Vốn đầu tư XDCB	Chi tiết
Công nghệ	4,200	- Mở rộng các tổ hợp văn phòng tại Hà Nội, TP.HCM, Bình Định, cùng một số địa phương khác. - Đầu tư vào hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ.
Giáo dục, Đầu tư & Khác	3,000	- Thành lập thêm các trường mới tại nhiều địa phương trên cả nước.
Tổng cộng	7,200	

Nguồn: FPT, Vietcap

* Cổ tức tiền mặt: ĐHCĐ đã thông qua cổ tức tiền mặt năm 2025 ở mức 2.000 đồng/cổ phiếu (lợi suất 2,7%), trong đó phần 1.000 đồng/cổ phiếu đã được chi trả trong năm 2025 và 1.000 đồng/cổ phiếu còn lại dự kiến sẽ được thanh toán trong quý 2/2026. FPT dự kiến sẽ chi trả cổ tức tiền mặt tối đa ở mức 2.000 đồng/cổ phiếu trong năm 2026 (lợi suất 2,7%) trên cơ sở cổ phiếu mới sau khi chia cổ tức bằng cổ phiếu (tương đương 2.200 đồng/cổ phiếu hoặc lợi suất 3,0% dựa trên số lượng cổ phiếu hiện tại).

* Cổ tức bằng cổ phiếu: ĐHCĐ đã thông qua phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 10% (tức là 10 cổ phiếu hiện hữu nhận thêm 1 cổ phiếu mới), dự kiến thực hiện chậm nhất trong quý 3/2026.

* Chương trình ESOP: Cổ đông đã thông qua việc triển khai chương trình ESOP giai đoạn 2026–2028 dành cho các nhân sự có đóng góp lớn, với tỷ lệ phát hành tối đa 0,5% số cổ phiếu đang lưu hành mỗi năm, được phân bổ thành 3 đợt trong giai đoạn 2027–2029; cổ phiếu sẽ được phát hành với giá 10.000 đồng/cổ phiếu và bị hạn chế chuyển nhượng trong 3 năm.

* Thành viên HĐQT mới: ĐHCĐ đã thông qua việc bổ nhiệm ông Toshikazu Nambu làm thành viên HĐQT mới cho nhiệm kỳ 2022–2027, thay thế ông Hiroshi Yokotsuka. Ông Nambu hiện là thành viên HĐQT và Phó Chủ tịch Tập đoàn Sumitomo Corporation (Nhật Bản), với gần 40 năm kinh nghiệm. Chúng tôi cho rằng việc bổ nhiệm này sẽ giúp củng cố và mở rộng hơn nữa khả năng tiếp cận thị trường Nhật Bản của FPT nhờ mạng lưới quan hệ sâu rộng và uy tín lâu năm của ông với các tập đoàn Nhật Bản.

2. Trao đổi của ban lãnh đạo theo từng mảng:

2.1. CNTT nước ngoài:

* Các trụ cột công nghệ chiến lược năm 2026: gồm (1) AI, (2) thiết bị bay không người lái (UAV), (3) dữ liệu, (4) công nghệ đường sắt, và (5) công nghệ lượng tử & an ninh mạng. Trong số này, “AI-first” vẫn là ưu tiên chiến lược cốt lõi. Ban lãnh đạo xem năm 2025 là bước ngoặt trong quá trình chuyển đổi của FPT thành một doanh nghiệp “AI-first”, khi AI ngày càng được tích hợp sâu vào vận hành nội bộ, quá trình cung cấp dịch vụ và các giải pháp cho khách hàng. Định hướng này đã bắt đầu cho thấy lực kéo thương mại: trong năm 2025, doanh thu từ AI và dữ liệu đã đạt 2.612 tỷ đồng (+41% YoY). Trong thời gian tới, FPT dự kiến sẽ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư trên toàn bộ hệ sinh thái AI (hạ tầng AI, nền tảng AI, AI Agents) với các định hướng chính gồm: (1) xây dựng các nền tảng AI dựa trên các mô hình mã nguồn mở (ví dụ: LLaMA, Mistral) nhằm cung cấp các giải pháp tùy biến;

đồng thời triển khai linh hoạt các nền tảng nội bộ (ví dụ: Flezi PT); (2) phát triển các AI Agents theo từng ngành (tài chính, sản xuất, y tế, logistics) nhằm phục vụ tự động hóa, hỗ trợ ra quyết định và tối ưu hóa; (3) mở rộng ứng dụng AI, các LLM tùy biến, và các giải pháp chuyên biệt theo ngành (y tế, tài chính, nhân sự, giáo dục).

* Lộ trình ứng dụng AI:

- Trong năm 2025, phần lớn khách hàng của FPT vẫn đang ở giai đoạn 1 trong lộ trình ứng dụng AI: “số hóa phân mảnh”. Ở giai đoạn đầu này, việc ứng dụng AI chủ yếu mang tính rời rạc, với các công cụ được sử dụng chủ yếu để nâng cao năng suất cá nhân (ví dụ: hỗ trợ lập trình và giao tiếp cơ bản). Ở cấp độ này, “trí tuệ tổ chức” vẫn mang tính phân tán và chủ yếu nằm ở năng lực của từng cá nhân, thay vì được tích hợp vào hệ thống vận hành của doanh nghiệp. Chỉ một tỷ lệ nhỏ khách hàng của FPT đã bước sang giai đoạn 2: “tích hợp AI có khả năng mở rộng”. Đây là giai đoạn đánh dấu sự chuyển dịch sang trí tuệ tập thể của tổ chức và chuẩn hóa quy trình làm việc.

- Từ năm 2026, FPT kỳ vọng sẽ bước vào giai đoạn 3: triển khai AI trên diện rộng trong doanh nghiệp, đi kèm với việc tái cấu trúc căn bản hệ điều hành vận hành của doanh nghiệp. Giai đoạn này đòi hỏi chuẩn hóa dữ liệu. Để cạnh tranh ở cấp độ này, FPT dự kiến tận dụng các liên minh chiến lược, như quan hệ hợp tác với Microsoft, nhằm nhắm tới các dự án cho các tập đoàn toàn cầu quy mô lớn.

- Trong 5–10 năm tới, FPT kỳ vọng các doanh nghiệp sẽ tiến tới mô hình kinh doanh AI-native (giai đoạn 4). Ở trạng thái phát triển cao này, doanh nghiệp sẽ sử dụng Trí tuệ nhân tạo tổng quát (AGI) để đảm nhiệm toàn bộ hoạt động vận hành, qua đó nguồn lực con người có thể được phân bổ hoàn toàn cho các hoạt động đổi mới và sáng tạo có giá trị cao.

2.2. Chiến lược năm 2026 cho mảng CNTT trong nước: Tập trung vào (1) tăng cường tham gia vào các dự án chuyển đổi số khu vực công, đặc biệt là các dự án của Chính phủ và chính quyền địa phương, nơi FPT đã trúng thầu một số hợp đồng cấp bộ với biên lợi nhuận gộp cải thiện; và (2) tiếp tục mở rộng hệ sinh thái Made by FPT.

2.3. Chiến lược năm 2026 cho mảng giáo dục: Mở rộng mạng lưới trường học và tích hợp AI cùng mô hình lớp học đảo ngược ứng dụng AI vào hoạt động giáo dục.

2.4. FPT Telecom: Hoạt động vận hành hàng ngày vẫn tiếp tục do đội ngũ hiện tại của FPT quản lý. Đồng thời, ban lãnh đạo nhìn thấy thêm cơ hội tăng trưởng gắn với quá trình phát triển các dự án hạ tầng quốc gia. Cụ thể, khi Bộ Công an đảm nhận vai trò quan trọng hơn trong việc triển khai các dự án hạ tầng quốc gia, FPT Telecom có thể được hưởng lợi từ nhu cầu liên quan. Một ví dụ là việc công ty tham gia cung cấp dịch vụ tín hiệu báo cháy cho doanh nghiệp và hộ gia đình, qua đó có thể tạo thêm động lực tăng trưởng bên cạnh hoạt động viễn thông cốt lõi. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

MSR: Triển vọng tăng trưởng lợi nhuận mạnh và kế hoạch niêm yết trên HOSE - Báo cáo ĐHCĐ

1. Kế hoạch năm 2026:

- Doanh thu (mức thấp): 16 nghìn tỷ đồng (+107% YoY; tương đương 56% dự báo kịch bản cơ sở năm 2026 của chúng tôi).

- Doanh thu (mức cao): 20,3 nghìn tỷ đồng (+173% YoY; tương đương 71% dự báo kịch bản cơ sở năm 2026 của chúng tôi).

- LNST (mức thấp): 1,7 nghìn tỷ đồng (+154 lần YoY; tương đương 44% dự báo kịch bản cơ sở năm 2026 của chúng tôi).

- LNST (mức cao): 2,5 nghìn tỷ đồng (+226 lần YoY; tương đương 65% dự báo kịch bản cơ sở năm 2026 của chúng tôi).

Theo quan điểm của chúng tôi, kế hoạch của công ty khá thận trọng, trong bối cảnh giá vonfram hiện đang ở mức cao, trên 3.100 USD/MTU (theo chia sẻ của MSR tại ĐHCĐ). Dự báo cơ sở của chúng tôi giả định giá vonfram bình quân cả năm đạt 1.680 USD/MTU.

2. Kết quả sơ bộ quý 1/2026:

- LNST đạt 537 tỷ đồng, vượt xa mức LNST của cả năm 2025 là 11 tỷ đồng, hoàn thành 14% dự báo kịch bản cơ sở năm 2026 của chúng tôi.

- Doanh thu thuần đạt 2.993 tỷ đồng (+115% YoY; hoàn thành 10% dự báo kịch bản cơ sở năm 2026 của chúng tôi).

- Kết quả tích cực này chủ yếu được thúc đẩy bởi đà tăng mạnh của giá vonfram, hiện đã vượt 3.100 USD/MTU (so với khoảng 920 USD/MTU vào đầu năm 2026 và chỉ 315 USD/MTU vào đầu năm 2025).

- Mặc dù lợi nhuận quý 1 nhìn chung phù hợp với kỳ vọng ban đầu của chúng tôi, mức tăng của giá vonfram (>3.100 USD/MTU hiện tại, cao hơn so với giả định bình quân năm của chúng tôi là 1.680 USD/MTU) đang tạo ra dư địa tăng đối với dự báo LNST năm 2026 trong kịch bản cơ sở (3.876 tỷ đồng) và giá trị hợp lý trong kịch bản cơ sở (53.600 đồng/cổ phiếu).

3. Kế hoạch niêm yết trên HOSE:

ĐHCĐ đã thông qua kế hoạch của MSR về việc hủy đăng ký giao dịch toàn bộ cổ phiếu trên sàn UPCoM và niêm yết lại trên sàn HOSE.

Chúng tôi xem đây là bước chuẩn bị sớm cho việc niêm yết trên sàn HOSE, và theo quan điểm của chúng tôi, quá trình này nhiều khả năng sẽ hoàn tất trong năm 2027. Theo các quy định hiện hành, một số điều kiện quan trọng trong việc niêm yết HOSE bao gồm:

a) Đủ điều kiện là công ty đại chúng.

b) Có ROE tối thiểu 5% trong năm liền trước thời điểm nộp hồ sơ niêm yết.

c) Có lãi trong mỗi năm của hai năm liên tiếp trước thời điểm nộp hồ sơ.

Đối với điều kiện a), pháp luật quy định tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải được nắm giữ bởi ít nhất 100 cổ đông không phải cổ đông lớn để một công ty đủ điều kiện là công ty đại chúng. Tuy nhiên, hiện tại, 94,89% cổ phần của MSR đang được nắm giữ bởi MSN thông qua Masan Horizon (công ty con do MSN sở hữu 100%), trong khi 5,11% còn lại được phân bổ cho 11.225 cổ đông. Điều này khiến MSR hiện chưa đáp ứng được yêu cầu về công ty đại chúng. Do đó, MSR đang làm việc với MSN và Masan Horizon để xử lý vấn đề này. Theo quan điểm của chúng tôi, nghị quyết HĐQT gần đây của MSN về việc thoái tối đa 5% số cổ phiếu MSR đang lưu hành (từ mức sở hữu hiện tại là 94,89%) là nhằm hỗ trợ đáp ứng yêu cầu này.

Đối với điều kiện b) và c), MSR đã ghi nhận lỗ trong năm 2024 và chỉ ghi nhận mức lợi nhuận ròng khiêm tốn 11 tỷ đồng trong năm 2025 (tương ứng ROE năm 2025 chỉ ở mức 0,1%). Do đó, công ty sẽ cần phải đạt được mức lợi nhuận cao trong năm 2026, điều mà chúng tôi cho là khả thi, để đáp ứng các điều kiện này, cho mục tiêu niêm yết trên sàn HOSE vào năm 2027.

Nhìn chung, chúng tôi kỳ vọng các vấn đề này sẽ được giải quyết trong năm 2026, qua đó tạo tiền đề cho việc niêm yết trên sàn HOSE trong năm 2027. Tại ĐHCĐ, ban lãnh đạo cho biết việc niêm yết HOSE dự kiến sẽ diễn ra trong quý 1–quý 2/2027, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi.

4. Lộ trình hướng tới trạng thái tiền mặt ròng và khả năng chi trả cổ tức tiền mặt trong tương lai:

- MSR dự kiến không chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2025 – điều mà chúng tôi cho là hợp lý trong bối cảnh lợi nhuận năm ngoái vừa mới trở về lãi ròng và đòn bẩy tài chính hiện vẫn ở mức cao.

- Nhìn về tương lai, theo công ty, với lợi nhuận cải thiện, MSR dự kiến sẽ giảm tỷ lệ đòn bẩy trên bảng cân đối kế toán.

- Nếu giá APT bình quân duy trì trên 1.500 USD/MTU, công ty đặt mục tiêu sẽ đạt trạng thái tiền mặt ròng vào giai đoạn 2027-2028. Điều này sẽ mở đường cho khả năng chi trả cổ tức tiền mặt trong tương lai.

5. Kế hoạch phát hành ESOP:

ĐHĐCĐ đã thông qua kế hoạch phát hành ESOP cho nhân sự chủ chốt, với số lượng phát hành tối đa tương đương 1% số lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện tại. Giá thực hiện là 15.000 đồng/cổ phiếu. Thông tin chi tiết hơn về công thức và cơ chế phân bổ có thể được tìm thấy tại đây.

6. Các vấn đề khác:

Câu hỏi liên quan đến nguồn tinh quặng vonfram bên ngoài (ExTC) và nhà máy MTC:

- Ban lãnh đạo cho biết MSR hiện đang thu mua tinh quặng vonfram từ 20-25 nhà cung cấp trên toàn cầu, không bao gồm Trung Quốc, Triều Tiên và Nga.

- Các lợi thế chính của MTC trong việc thu mua ExTC bao gồm: (1) Đây là nhà máy chế biến vonfram lớn nhất ngoài Trung Quốc xét về mặt sản lượng, và (2) Công nghệ lõi tiên tiến giúp MSR có thể xử lý một cách hiệu quả và tiết kiệm chi phí đối với nhiều loại tinh quặng vonfram khác nhau – bao gồm cả quặng có hàm lượng thấp – và chuyển hóa thành các sản phẩm trung nguồn chất lượng cao.

Triển vọng tăng của giá vonfram:

- Ban lãnh đạo cho biết khó có thể xác định chính xác giá vonfram có thể tăng lên đến mức nào. Tuy nhiên, ban lãnh đạo có chia sẻ, ngay cả ở mức hiện tại (trên 3.100 USD/MTU), nguồn cung vonfram ngoài Trung Quốc vẫn không đủ để đáp ứng nhu cầu, ngụ ý vẫn còn dư địa để giá tăng.

Câu hỏi về việc MSR thay đổi nhà thầu nổ mìn trong năm 2025, qua đó gây gián đoạn hoạt động tạm thời và cập nhật về nhà thầu mới:

- Công ty đã thay đổi nhà thầu nổ mìn trong giai đoạn 2024-2025 nhằm tối ưu hóa chi phí vận hành.

- Nhà thầu mới là Gaet, một đơn vị liên quan đến Bộ Quốc phòng, được đánh giá là nhà thầu uy tín và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp lý, và pháp luật hiện hành.

- Hoạt động nổ mìn hiện đã ổn định và đáp ứng đầy đủ yêu cầu sản xuất của công ty. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PTB: Triển vọng doanh thu tăng trưởng mạnh mẽ ở tất cả các mảng; áp lực biên chi phí đầu vào là yếu tố cần theo dõi - Báo cáo ĐHCĐ

* Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của CTCP Phú Tài (PTB) vào ngày 15/04/2026. Nhìn chung, kế hoạch của ban lãnh đạo cho thấy đà tăng trưởng mạnh mẽ ở tất cả các mảng. Đồng thời, công ty cũng có kế hoạch tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành quyền mua cổ phiếu, nhằm hỗ trợ kế hoạch mở rộng của công ty.

* Quan điểm của chúng tôi: Chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo của chúng tôi cho PTB, khi kế hoạch LNST trước lợi ích CĐTTS đạt 149% dự báo cả năm của chúng tôi, cùng với KQKD quý 1 tích cực nhờ việc trì hoãn áp thuế đối với sản phẩm gỗ xuất khẩu đến năm 2027.

1. Kế hoạch năm 2026

- Doanh thu: 8,8 nghìn tỷ đồng (+19% YoY; đạt 112% dự báo cả năm)

- LNTT: 760 tỷ đồng (+20% YoY; đạt 148% dự báo cả năm)

- LNST: 608 tỷ đồng (+18% YoY; đạt 149% dự báo cả năm)

- Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo hiện tại, chủ yếu do kịch bản cơ sở của chúng tôi chưa phản ánh việc gia hạn thời gian tăng thuế đối với sản phẩm gỗ đến năm 2027 từ năm 2026 trước đó.

Kế hoạch doanh thu theo mảng:

- Gỗ: 4,9 nghìn tỷ đồng (+22% YoY; đạt 112% dự báo cả năm), tiếp tục là yếu tố thúc đẩy tăng trưởng chính, được hỗ trợ bởi nhu cầu xuất khẩu ổn định và sự phục hồi dần của thị trường cuối.

- Đá: 2,4 nghìn tỷ đồng (+26% YoY; đạt 103% dự báo cả năm), nhờ nhu cầu hạ tầng và năng lực cạnh tranh xuất khẩu đang được cải thiện.

- Bất động sản: 525 tỷ đồng (+85% YoY; gấp 2,9 lần dự báo cả năm), nhờ việc đẩy nhanh tiến độ bàn giao dự án Phú Tài Central Life.

- Ô tô: 1,0 nghìn tỷ đồng (-8% YoY; đạt 96% dự báo cả năm).

2. Kết quả sơ bộ quý 1/2026

- Trong quý 1/2026, doanh thu PTB tăng 28% YoY, LNTT tăng mạnh 30% YoY lên 189 tỷ đồng (đạt 37% dự báo cả năm). Xét theo từng mảng, mảng gỗ tăng khoảng 15% YoY, mảng đá tăng mạnh 20% YoY và mảng bất động sản tăng 3,5 lần YoY.

- Đối với quý 2/2026, ban lãnh đạo kỳ vọng LNTT đạt 157 tỷ đồng (-3% YoY; -17% QoQ), tương ứng với LNTT 6 tháng đầu năm dự kiến đạt 346 tỷ đồng (+13% YoY; đạt 67% dự báo cả năm). Mức giảm nhẹ trong kế hoạch theo quý phản ánh giai đoạn thấp điểm của PTB trong quý 2-3, đồng thời áp lực biên lợi nhuận gia tăng do chi phí đầu vào đã tăng khoảng 5-6% so với trước khi xảy ra xung đột Trung Đông. Công ty cho biết đang đàm phán với khách hàng để chuyển phần chi phí tăng thêm vào giá bán. Nhìn chung, kế hoạch này cho thấy KQKD có thể vượt mức dự báo của chúng tôi.

3. Mảng gỗ:

- Trong quý 1/2026, doanh thu tăng 15% YoY, được hỗ trợ bởi đà tăng trưởng ổn định của các sản phẩm nội thất cốt lõi và đóng góp ban đầu từ mảng viên nén gỗ - bắt đầu hoạt động từ giữa quý 4/2025.

- Tình hình đơn hàng duy trì khả quan khi công ty đã đảm bảo đủ đơn hàng cho quý 2/2026 và công ty đang nhận các đơn hàng mới cho quý 3. Chúng tôi ghi nhận rằng phần lớn các sản phẩm xuất khẩu gỗ của PTB đang chịu mức thuế khoảng 10% tại Mỹ, mà ban lãnh đạo cho rằng tác động là có thể kiểm soát được.

- Mảng viên nén gỗ đang dần trở thành động lực tăng trưởng quan trọng, hiện đang vận hành ở mức 90 nghìn tấn/năm, với mục tiêu nâng lên 500 nghìn tấn/năm trong vòng hai năm (tương đương khoảng 2,5 nghìn tỷ đồng doanh thu). Trong khi doanh thu hiện tại chủ yếu đến từ thị trường nội địa, hoạt động xuất khẩu viên nén gỗ dự kiến sẽ bắt đầu từ quý 3/2026 sau khi hoàn tất chứng nhận FSC.

4. Mảng đá:

- Doanh thu quý 1/2026 tăng 20% YoY, nhờ sự phục hồi nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Tuy nhiên, mảng đá vẫn đối mặt với sự cạnh tranh mạnh từ Trung Quốc, Ấn Độ và Brazil, qua đó hạn chế khả năng tăng giá bán của sản phẩm. Do đó, PTB đang chuyển dịch cơ cấu sản phẩm sang đá nhân tạo/thạch anh, vốn có biên lợi nhuận cao hơn, đồng thời có kế hoạch mở rộng công suất trong hai năm tới.

5. Kế hoạch phát hành cổ phiếu

- Cổ tức năm 2025:

+ Cổ tức tiền mặt: PTB công bố mức cổ tức tiền mặt 5% (tương đương 500 đồng/cổ phiếu), thấp hơn so với dự báo của chúng tôi là 2.100 đồng/cổ phiếu, dự kiến chi trả trong quý 2/2026.

+ Chi trả bằng cổ phiếu: cổ tức cổ phiếu 25% theo tỷ lệ 4:1 (cổ đông sở hữu 4 cổ phiếu sẽ nhận thêm 1 cổ phiếu mới), thực hiện sau khi chi trả cổ tức tiền mặt. Sau khi phát hành cổ phiếu, vốn điều lệ sẽ tăng 25% từ 803 tỷ đồng lên 1,0 nghìn tỷ đồng.

- Phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: PTB dự kiến triển khai phát hành quyền mua cổ phiếu sau khi hoàn tất việc chi trả cổ tức, với 20 triệu cổ phiếu phát hành ở mức giá 12.000 đồng/cổ phiếu. Sau khi phát hành, vốn điều lệ sẽ tăng thêm 20% lên 1,2 nghìn tỷ đồng. Nguồn vốn thu được sẽ dùng cho vốn mở rộng đầu tư XDCB và một phần dùng để trả nợ vay ngân hàng. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

SZC: Kế hoạch lợi nhuận năm 2026 mang tính thận trọng, phản ánh khả năng thay đổi phương pháp kế toán; doanh số bán đất KCN và dòng tiền dự kiến phục hồi YoY

- Báo cáo ĐHCĐ

- Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ thường niên của CTCP Sonadezi Châu Đức (SZC) vào ngày 16/4/2026.

- Kế hoạch năm 2026: Cổ đông đã thông qua kế hoạch tổng thu nhập năm 2026 (bao gồm doanh thu thuần, thu nhập tài chính và thu nhập khác) đạt 518 tỷ đồng (-54% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 56 tỷ đồng (-84% YoY), tương đương lần lượt 49% và 15% dự báo của chúng tôi. Mức kế hoạch thấp phản ánh cách tiếp cận thận trọng hơn trong ghi nhận doanh thu, sau những thay đổi trong khung kế toán theo Thông tư 99/2025/TT-BTC (có hiệu lực từ ngày 1/1/2026). Theo đó, công ty dự kiến ghi nhận doanh thu bàn giao đất KCN theo phương pháp phân bổ, thay vì ghi nhận một lần toàn bộ giá trị hợp đồng như trước đây.

- Khả năng điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận: Cổ đông đã ủy quyền cho HĐQT xem xét điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 (nếu có) sau khi nhận được hướng dẫn chính thức từ Bộ Tài chính về việc áp dụng Thông tư 99/2025/TT-BTC đối với mảng khu công nghiệp của công ty.

- SZC công bố LNST sau lợi ích CĐTS sơ bộ quý 1/2026 đạt khoảng 14 tỷ đồng (-89% YoY), tương đương 25% kế hoạch cả năm.

- Chúng tôi nhận thấy rủi ro tiềm năng đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 ở mức 382 tỷ đồng (+11% YoY), do doanh số bán đất KCN năm 2025 thấp hơn kỳ vọng, chỉ ghi nhận 20,9 ha so với mức kỳ vọng của chúng tôi trước đó là 40 ha, và kết quả sơ bộ quý 1/2026 thấp, dù cần thêm đánh giá. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng công ty cuối cùng vẫn sẽ áp dụng phương pháp ghi nhận doanh thu một lần, qua đó lợi nhuận báo cáo có thể vượt mức kế hoạch năm 2026 theo kịch bản mang tính thận trọng, sau khi phương pháp này được hoàn thiện.

- Cổ tức: Cổ đông thông qua mức cổ tức năm 2025 và 2026 ở mức 10% mệnh giá cho mỗi năm, nhưng chưa xác định hình thức chi trả bằng tiền mặt hay cổ phiếu. Chúng tôi hiện đang giả định mức cổ tức tiền mặt 1.000 đồng/cổ phiếu cho cả hai năm. Trong quá khứ, SZC đã chi trả cổ tức tiền mặt 1.000 đồng/cổ phiếu cho các năm 2024, 2023, 2021 và 2020, nhưng lại phát hành cổ tức cổ phiếu 20% cho năm 2022.

- Kế hoạch giải ngân: Các cổ đông thông qua kế hoạch giải ngân năm 2026 gồm 257 tỷ đồng (+6% YoY) cho việc xây dựng và 1,4 nghìn tỷ đồng (+208% YoY) cho việc đền bù đất. Theo SZC, tính đến cuối năm 2025, công ty còn khoảng 68 ha đất KCN chưa đền bù và hơn 100 ha đất khu dân cư chưa đền bù tại tổ hợp KCN & đô thị Châu Đức (khoảng 2.300 ha).

Doanh số bán đất KCN và dòng tiền dự kiến phục hồi YoY trong năm 2026. Ban lãnh đạo kỳ vọng doanh số bán đất KCN đạt 25 ha trong năm 2026 (so với 20,9 ha trong năm 2025). Dòng tiền từ việc bán đất KCN dự kiến đạt 911 tỷ đồng, tăng 75% YoY (so với ước tính 521 tỷ đồng của chúng tôi đối trong năm 2025). Ban lãnh đạo tại ĐHCĐ cho biết nhu cầu di dời sản xuất khỏi Trung Quốc vẫn là động lực chính thúc đẩy nhu cầu đất KCN, đồng thời giá chào thuê tại KCN Châu Đức tiếp tục tăng lên khoảng 125 USD/m² cho thời hạn thuê còn lại (so với 120 USD/m² trong năm 2025).

Doanh số bất động sản dân cư được kỳ vọng sẽ tăng tốc. Doanh số bất động sản dân cư dự kiến tăng tốc. Ban lãnh đạo định hướng doanh thu năm 2026 đạt 192 tỷ đồng (gấp 26,5 lần so với mức 7 tỷ đồng của năm 2025), chủ yếu nhờ vào hoạt động bán hàng và bàn giao tại dự án KDC Hữu Phước (thuộc tổ hợp KCN & KĐT Châu Đức; khoảng 41 ha). Đối với dự án khu đô thị phía Bắc (cũng thuộc tổ hợp KCN & KĐT Châu Đức; khoảng 498 ha), ban lãnh đạo đặt mục tiêu nhận được phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư trong năm 2026. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GT VH tr USD	GT GD/ 30N tr USD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	82%	74	0,0	13.900	25.500	83%	0,0%	83%	KQ	17/01/25	39,3	9,4	15,4	1,1
DGC	Công nghiệp	42%	792	13,0	54.900	91.200	66%	5,5%	72%	MUA	02/03/26	7,3	7,0	15,4	1,4
KDH	Bất động sản	22%	1.121	4,8	26.300	43.700	66%	0,0%	66%	MUA	09/03/26	30,2	19,0	20,0	1,6
NLG	Bất động sản	9%	530	4,3	28.750	45.800	59%	1,4%	61%	MUA	09/03/26	16,7	20,8	20,0	1,1
HVN	Hàng không	22%	2.729	1,0	23.100	37.100	61%	0,0%	61%	KQ	22/07/25	9,8	8,3	18,7	12,1
FPT	CNTT	16%	4.793	27,2	74.100	116.600	57%	3,1%	60%	MUA	22/10/25	14,6	13,1	19,8	3,5
PVS	Dầu khí	33%	744	9,6	38.300	58.100	52%	0,0%	52%	MUA	26/02/26	13,4	12,9	22,5	1,3
BMI	Bảo hiểm	22%	90	0,3	15.700	23.100	47%	3,2%	50%	MUA	12/04/24	10,5	6,2	13,5	0,8
PVT	Dầu khí	36%	379	8,0	21.250	30.800	45%	4,7%	50%	MUA	13/03/26	10,1	6,9	13,5	1,2
SZC	KCN	16%	200	0,7	29.250	42.400	45%	3,4%	48%	KQ	01/07/25	16,6	15,0	20,0	1,6
SSI	Chứng khoán	68%	2.729	33,2	28.850	40.800	41%	3,5%	45%	KQ	27/08/25	14,6	15,8	19,8	2,3
VGC	KCN	47%	787	1,6	46.200	64.100	39%	4,8%	44%	MUA	21/10/25	14,8	13,2	15,7	2,4
PLC	Dầu khí	48%	71	0,4	23.200	31.900	38%	4,3%	42%	MUA	12/09/25	138,1	7,4	15,4	1,5
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	42%	2.228	1,3	45.750	59.000	29%	10,9%	40%	MUA	06/01/26	13,7	13,0	15,2	2,8
VPB	Ngân hàng	5%	8.315	19,2	27.600	38.000	38%	1,8%	39%	MUA	19/11/25	9,1	7,2	11,3	1,3
BWE	Điện & Nước	45%	360	1,1	43.100	58.700	36%	3,0%	39%	MUA	02/02/26	11,5	10,4	12,4	1,6
ACG	Gỗ	12%	198	0,0	34.500	45.800	33%	4,9%	38%	MUA	15/07/25	10,9	8,6	14,9	1,2
BMP	VLXD	19%	471	1,3	151.500	192.500	27%	10,6%	38%	MUA	12/11/25	10,2	8,9	15,7	4,3
GEX	Điện & Nước	43%	1.371	14,2	40.000	54.000	35%	1,3%	36%	MUA	30/12/25	23,5	26,3	13,5	2,0
ACB	Ngân hàng	3%	4.613	10,4	23.650	32.000	35%	0,0%	35%	MUA	05/03/26	7,9	6,4	11,3	1,3
MBB	Ngân hàng	0%	8.045	20,4	26.300	35.000	33%	1,9%	35%	MUA	13/03/26	8,5	6,7	11,3	1,6
MCH	Bán lẻ	85%	6.882	4,6	140.000	181.700	30%	4,3%	34%	PHTT	28/11/25	27,1	23,7	15,2	10,0
DCM	Phân bón	39%	895	9,3	44.500	57.600	29%	4,5%	34%	MUA	10/03/26	13,1	8,4	15,4	2,2
TCB	Ngân hàng	0%	8.584	18,6	31.900	41.500	30%	3,8%	34%	MUA	04/03/26	8,9	7,6	11,3	1,3
HPG	VLXD	26%	8.146	38,0	27.950	36.600	31%	1,8%	33%	MUA	04/04/26	14,4	10,1	14,9	1,7
HDC	Bất động sản	47%	143	2,3	18.800	24.600	31%	0,0%	31%	KQ	09/01/26	5,9	12,1	20,0	1,3
GMD	GTVT	7%	1.192	5,9	73.600	93.900	28%	3,1%	31%	MUA	26/02/26	19,9	13,0	13,5	2,4

CTG	Ngân hàng	5%	10.205	10,2	34.600	44.900	30%	0,0%	30%	MUA	10/03/26	8,9	7,7	11,3	1,5
HDG	Điện & Nước	30%	392	3,6	27.900	36.200	30%	0,0%	30%	MUA	23/03/26	15,1	12,4	20,0	1,5
MSN	Bán lẻ	76%	4.283	19,0	78.000	101.200	30%	0,0%	30%	MUA	21/05/25	27,5	26,6	13,5	3,2
HDB	Ngân hàng	5%	4.961	19,4	26.100	33.000	26%	1,9%	28%	MUA	06/03/26	7,2	6,2	11,3	1,7
TLG	Văn phòng phẩm	88%	188	0,3	51.200	61.900	21%	6,8%	28%	MUA	12/09/25	11,0	8,3	9,8	2,0
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	643	0,1	45.600	53.400	17%	8,8%	26%	KQ	30/08/24	8,7	6,5	15,2	1,6
MWG	Bán lẻ	0%	4.533	21,6	81.300	101.000	24%	1,2%	25%	MUA	14/10/25	16,9	14,3	12,7	3,7
F88	Tài chính TT	42%	560	0,3	134.000	168.000	25%	0,0%	25%	KQ	21/01/26	20,5	14,9	#N/A	6,0
NT2	Điện & Nước	36%	286	1,0	26.200	30.300	16%	9,5%	25%	MUA	26/02/26	7,8	7,1	12,4	1,6
POW	Điện & Nước	47%	1.555	7,6	13.350	16.700	25%	0,0%	25%	MUA	27/03/26	16,8	16,9	12,4	1,2
VCB	Ngân hàng	10%	18.847	16,3	59.400	73.500	24%	0,8%	24%	MUA	17/03/26	15,3	12,6	11,3	2,2
TV2	Điện & Nước	7%	93	0,7	36.200	43.900	21%	2,8%	24%	MUA	18/09/25	41,2	14,4	13,5	1,9
DXG	Bất động sản	29%	640	11,4	15.150	18.700	23%	0,0%	23%	MUA	06/04/26	72,8	76,1	20,0	1,2
GAS	Dầu khí	47%	7.184	6,3	78.400	93.600	19%	3,2%	23%	MUA	14/04/26	16,9	15,4	12,4	2,9
PVD	Dầu khí	38%	694	8,0	32.900	40.300	22%	0,0%	22%	MUA	09/04/26	20,3	16,4	22,5	1,1
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	51%	4.849	10,5	61.100	70.300	15%	6,5%	22%	MUA	24/04/25	13,6	14,6	15,2	4,2
KBC	KCN	40%	1.250	5,3	34.950	42.500	22%	0,0%	22%	MUA	13/03/26	15,3	11,0	20,0	1,3
AST	DV Hàng không	3%	119	0,0	69.800	80.600	15%	5,0%	20%	MUA	26/08/25	12,6	12,2	12,7	5,4
QTP	Điện & Nước	-1%	221	0,6	13.000	14.600	12%	7,7%	20%	MUA	10/12/25	5,7	8,9	12,4	1,0
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	80%	526	1,5	61.700	71.600	16%	3,2%	19%	MUA	26/01/26	10,1	7,8	15,2	1,4
REE	Điện & Nước	0%	1.327	4,4	64.500	75.900	18%	1,6%	19%	MUA	23/02/26	25,3	11,8	13,5	1,7
FRT	Bán lẻ	17%	977	2,9	151.000	178.800	18%	0,7%	19%	MUA	13/11/25	32,4	22,9	12,7	6,2
PHR	Công nghiệp	35%	316	0,6	61.500	71.300	16%	2,2%	18%	MUA	25/03/26	18,0	8,9	15,4	2,1
NVL	Bất động sản	43%	1.442	15,3	17.000	20.000	18%	0,0%	18%	MUA	01/10/25	19,7	94,9	20,0	0,8
TDM	Điện & Nước	49%	240	1,1	56.900	65.300	15%	2,6%	17%	KQ	02/02/26	32,7	30,7	12,4	2,5
DPG	Điện & Nước	30%	191	0,9	42.400	48.700	15%	2,4%	17%	MUA	06/01/26	10,7	6,5	15,7	2,3
SIP	KCN	46%	565	1,2	61.500	69.800	13%	3,3%	17%	MUA	22/12/25	11,9	11,5	20,0	2,9
IDC	KCN	33%	703	4,1	48.800	54.600	12%	4,1%	16%	MUA	17/03/26	9,7	9,3	20,0	2,9
BID	Ngân hàng	13%	11.113	12,3	40.200	46.100	15%	0,0%	15%	MUA	17/11/25	10,6	11,7	11,3	1,7
DHC	Công nghiệp	15%	134	0,4	36.450	40.100	10%	3,6%	14%	MUA	16/12/25	9,0	8,7	14,9	1,6

CTR	CNTT	44%	377	1,1	86.800	96.800	12%	1,7%	13%	KQ	14/04/26	16,6	14,2	15,7	4,8
DPM	Phân bón	44%	740	8,5	28.650	31.200	9%	4,2%	13%	PHTT	10/03/26	21,9	12,9	15,4	1,7
PC1	Điện & Nước	33%	422	7,8	27.000	30.500	13%	0,0%	13%	MUA	02/02/26	11,4	10,2	15,7	1,7
PPC	Điện & Nước	44%	124	0,3	10.200	11.000	8%	4,9%	13%	KQ	10/12/25	20,1	10,1	12,4	0,7
DXS	Bất động sản	43%	165	0,8	7.490	8.300	11%	0,0%	11%	KQ	06/04/26	13,7	12,9	20,0	0,7
PTB	Công nghiệp	9%	151	0,2	49.450	52.000	5%	4,2%	9%	KQ	06/10/25	6,6	8,6	14,9	1,2
ACV	Hàng không	47%	6.331	1,4	46.300	50.100	8%	0,0%	8%	PHTT	06/04/26	15,1	14,5	13,5	2,4
PLX	Xăng dầu	6%	1.887	7,5	39.100	41.100	5%	3,1%	8%	MUA	13/10/25	20,3	17,0	22,5	1,9
VIB	Ngân hàng	0%	2.217	5,5	17.150	18.500	8%	0,0%	8%	KQ	23/05/25	8,0	6,6	11,3	1,2
BSR	Lọc hóa dầu	47%	4.906	18,5	25.800	27.000	5%	2,7%	7%	PHTT	18/03/26	24,9	7,9	22,5	2,1
VEA	Ô-tô	48%	1.687	0,4	33.400	30.800	-8%	14,4%	7%	PHTT	28/10/25	6,1	6,3	13,5	1,7
PNJ	Bán lẻ	0%	1.411	5,3	108.900	113.500	4%	1,8%	6%	MUA	07/11/25	14,2	15,9	9,8	2,8
SCS	DV Hàng không	19%	195	0,3	54.000	51.200	-5%	10,2%	5%	PHTT	13/01/26	6,8	7,3	18,7	3,4
VRE	Bất động sản	37%	2.554	5,4	29.600	30.700	4%	0,0%	4%	KQ	30/03/26	10,4	12,3	20,0	1,4
DGW	Bán lẻ	25%	380	2,9	45.200	45.400	0%	1,1%	2%	PHTT	18/11/25	18,2	16,1	12,7	2,9
VTP	GTVT	44%	462	2,0	70.300	69.000	-2%	2,1%	0%	PHTT	06/09/24	24,6	20,7	13,5	6,9
TPB	Ngân hàng	5%	1.712	5,9	16.250	15.800	-3%	0,0%	-3%	MUA	27/05/25	6,1	5,9	11,3	1,1
GVR	Công nghiệp	12%	4.891	4,4	32.200	30.500	-5%	1,2%	-4%	KQ	31/12/25	22,9	21,1	15,4	2,3
NKG	VLXD	45%	252	2,3	14.800	13.100	-11%	0,0%	-11%	PHTT	18/04/25	33,6	11,5	14,9	0,9
HSG	VLXD	45%	377	2,0	16.000	13.500	-16%	3,1%	-12%	PHTT	18/04/25	15,9	16,9	14,9	0,9
OIL	Dầu khí	6%	581	2,6	14.700	12.700	-14%	0,7%	-13%	KQ	17/10/25	35,9	32,5	22,5	1,5
STB	Ngân hàng	18%	4.567	26,6	63.800	55.400	-13%	0,0%	-13%	KQ	08/12/25	20,3	10,3	11,3	2,0
VHM	Bất động sản	41%	22.320	29,0	143.100	122.600	-14%	0,0%	-14%	KQ	30/03/26	14,0	13,6	20,0	2,5
LPB	Ngân hàng	4%	5.366	3,6	47.300	39.300	-17%	2,1%	-15%	KKQ	18/11/25	12,5	13,1	11,3	3,0
BVH	Bảo hiểm	22%	2.072	2,2	73.500	56.900	-23%	1,2%	-21%	KQ	26/05/25	18,4	17,5	13,5	2,2
VJC	Hàng không	24%	4.003	11,3	178.200	114.000	-36%	0,0%	-36%	KQ	15/03/24	49,7	19,9	18,7	4,3
VIC	Bất động sản	45%	55.394	36,5	189.300	101.600	-46%	0,0%	-46%	BÁN	30/03/26	124,6	128,6	20,0	9,9

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	52	136.750	2.630	18	14,7	11,8	10,1	15,0	1,8	23,1	18,1	14,6	2,1	2,8%
KHẢ QUAN	20	51.340	2.567	7	17,3	14,9	13,0	14,2	2,3	24,4	19,2	14,6	2,7	1,6%
PHÙ HỢP TT	10	22.211	2.221	0	19,6	17,3	12,4	19,4	2,8	30,3	19,4	13,8	3,3	4,2%
KÉM KHẢ QUAN	1	5.366	5.366	0	15,3	12,5	13,1	10,4	3,0	15,3	12,5	13,1	3,0	2,1%
BÁN	1	55.394	55.394	1	118,3	124,6	128,6	66,9	9,9	118,3	124,6	128,6	9,9	0,0%
TỔNG CỘNG	84	271.060	3.227	26	19,1	15,7	13,5	16,4	2,4	25,3	19,7	15,8	2,4	2,6%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	88.545	7.379	11	11,7	10,1	8,6	12,3	1,7	11,2	10,3	8,5	1,7	1,0%
Bảo hiểm	2	2.162	1.081	1	24,2	17,8	16,2	14,3	2,1	18,2	14,4	11,8	1,5	2,2%
Chứng khoán	1	2.729	2.729	1	23,1	14,6	15,8	20,6	2,3	23,1	14,6	15,8	2,3	3,5%
Tài chính thay thế	1	560	560	0	42,0	20,5	14,9	25,7	6,0	42,0	20,5	14,9	6,0	0,0%
Tiêu dùng	13	28.963	2.228	4	18,6	16,2	15,1	19,6	3,6	24,4	16,6	14,6	3,6	4,7%
CNTT	1	4.793	4.793	1	17,3	14,6	13,1	23,0	3,5	17,3	14,6	13,1	3,5	3,1%
Bất động sản	9	84.308	9.368	2	53,9	34,2	34,9	23,1	4,2	38,7	34,2	43,4	2,3	0,2%
Vật liệu	4	9.246	2.312	1	17,8	14,4	10,3	18,3	1,6	15,5	18,5	11,8	1,9	3,9%
Điện & Nước	12	6.582	548	1	22,6	16,2	13,6	20,1	1,5	30,4	18,5	13,8	1,6	3,0%
Dầu khí	10	18.080	1.808	2	26,0	18,8	11,7	21,6	2,1	38,2	31,5	13,8	1,7	2,7%
Công nghiệp	5	1.348	270	0	9,0	8,1	7,6	12,2	1,3	14,7	14,6	8,4	1,3	3,6%
Khu công nghiệp	7	8.713	1.245	1	24,8	17,5	15,1	18,7	2,1	26,3	15,6	12,9	2,2	2,7%
GTVT & Logistics	7	15.031	2.147	1	14,9	16,8	13,5	18,0	3,4	20,2	19,8	13,7	5,3	2,9%
TỔNG CỘNG	84	271.060	3.227	26	19,1	15,7	13,5	16,4	2,4	25,3	19,7	15,8	2,4	2,6%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap
 Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap
 *FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q1 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS Q1 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB				MUA	
BID				MUA	
CTG				MUA	
HDB				KQ	
LPB				BÁN	
MBB				MUA	
STB				MUA	
TCB				MUA	
TPB				MUA	
VCB				MUA	
VIB				KQ	
VPB				MUA	
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI				MUA	
BVH				KQ	
SSI				MUA	
F88				KQ	
Tiêu dùng					
CTR		14%		KQ	
DGW				PHTT	
FPT				MUA	
FRT				MUA	
MSN (2)				MUA	
MCH				PHTT	
MWG				MUA	
PNJ				MUA	
QNS				KQ	
SAB		5%		MUA	
TLG		20%		MUA	
VEA		-3%		PHTT	
VHC		30%		MUA	
VNM				MUA	
GTVT & Logistics					
ACV		4%		PHTT	
AST		6%		MUA	
GMD (2)		31%		MUA	
HVN		19%		PHTT	

SCS	-6%	PHTT
VJC	N.A	KQ
VTP	19%	PHTT
Bất động sản		
DXG	-4%	MUA
DXS	7%	MUA
HDC	-51%	KQ
NVL	-79%	MUA
KDH	59%	MUA
NLG	-20%	MUA
VHM	3%	KQ
VIC	-3%	BÁN
VRE	-15%	KQ
Khu công nghiệp		
GVR	9%	KQ
IDC	4%	MUA
KBC	39%	MUA
PHR	103%	MUA
SIP	4%	MUA
SZC	11%	KQ
Vật liệu & Công nghiệp		
ACG (2)	26%	MUA
BMP	15%	MUA
DGC	23%	MUA
DHC	3%	MUA
HPG	41%	MUA
HSG (1)	-5%	PHTT
NKG	202%	PHTT
PTB	-19%	KQ
STK	231%	KQ
Điện & Nước		
BWE (2)	9%	MUA
GEX		MUA
HDG		KQ
NT2	-16%	MUA
PC1	12%	MUA
POW	-1%	MUA
PPC	99%	KQ
QTP	-35%	MUA
REE	17%	MUA
TDM (2)	8%	KQ
TV2	186%	MUA
DPG	65%	MUA

VGC		MUA
Dầu khí		
BSR	215%	PHTT
DCM (2)	55%	MUA
DPM	70%	PHTT
GAS		MUA
OIL (2)		KQ
PLX (2)		MUA
PLC		MUA
PVD (2)	55%	MUA
PVS (2)	10%	MUA
PVT (2)	49%	MUA

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.819,8	19,2
VN 30	1.979,2	17,6
VN Mid	2.238,4	-9,4
VNSmall	1.416,3	-5,7

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	256,5	3,8
HNX30	548,3	1,6
VNX Allshare	2.969,9	23,1

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	128,2	-0,6

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	5.486,5	19,6%
Khối ngoại mua	2.953,4	10,6%
Khối ngoại bán	4.107,3	14,7%
Tổng giao dịch	27.961,1	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	1,5	0,1%
Khối ngoại mua	88,7	7,0%
Khối ngoại bán	65,7	5,2%
Tổng giao dịch	1.265,9	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	13,2	3,9%
Khối ngoại mua	2,6	0,7%
Khối ngoại bán	1,6	0,5%
Tổng giao dịch	343,0	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VIC	12.300	7,0%
BFC	4.000	6,9%
UIC	4.200	6,9%
BMP	8.700	6,1%
KBC	1.650	5,0%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
KSF	8.400	10,0%
AAV	600	7,6%
L40	2.800	4,4%
PSD	400	2,2%
DXP	300	2,1%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PHP	1.382	4,0%
SGP	880	3,6%
VNZ	6.275	2,0%
DSH	279	1,9%
MSR	792	1,7%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VCK	-1.750	-4,9%
GEE	-7.400	-3,8%
MIG	-650	-3,5%
DLG	-100	-3,4%
TLG	-1.700	-3,2%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
KSV	-3.700	-2,2%
BVS	-500	-1,8%
NVB	-200	-1,8%
NRC	-100	-1,6%
MBS	-300	-1,5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VIW	-2.664	-7,7%
TV1	-892	-2,7%
VGI	-2.376	-2,5%
TVN	-183	-2,1%
DDV	-599	-2,1%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHB	3.365
VJC	1.851
VHM	1.576
VIC	1.482
HCM	1.383

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	350
CEO	293
IDC	130
PVS	102
MBS	56

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
MSR	78
VGI	76
DDV	36
OIL	21
ACV	17

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
VNS	1.619.606	132.635
ACC	912.701	119.636
VJC	11.066.735	1.859.405
BFC	790.765	165.922
VRE	16.470.245	5.257.638
TVS	524.801	170.304
TNT	618.375	206.750
HCM	51.557.453	17.471.644
CDC	2.050.940	715.917
SHB	218.540.834	78.707.811

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
BNA	400.651	112.858
CTP	414.865	146.484
AAV	2.270.823	879.715
API	237.680	96.267
NVB	390.391	235.009
PSD	147.417	89.925
VC9	82.215	53.767
VGS	577.246	394.949
NRC	1.477.360	1.026.790
CEO	16.967.103	12.291.013

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
BIG	1.627.342	295.102
SGP	221.259	58.605
PHP	322.601	91.291
VIW	263.218	83.610
DGT	126.921	56.020
MCG	109.001	64.213
MVC	83.187	55.166
VHG	206.639	140.167
HSV	83.111	69.400
TVN	596.082	505.158

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.817,0		14,1	2,3	18,2
TCX	4.476,8	90,1	18,8	2,7	16,2
VCK	3.176,1	95,4	19,2	2,8	17,8
SSI	2.729,1	68,3	14,8	2,3	14,0
VPX	2.047,0	95,0	12,5	1,6	13,9
VIX	1.656,2	91,4	5,4	2,0	28,9

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	647,7		13,1	1,7	13,6
BVH	2.071,9	21,7	19,2	2,2	12,1
PVI	684,9	43,3	16,4	2,2	13,8
BIC	181,5	7,9	8,8	1,5	17,5
VNR	156,9	22,7	9,5	1,0	10,8
MIG	143,4	83,9	11,6	1,4	13,7

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.878,0		19,9	3,8	22,6
ACV	6.331,2	47,0	15,4	2,4	16,7
GEE	2.600,4	49,0	21,0	8,5	45,2
MVN	2.400,1	0,0	32,5	4,5	14,6
VEA	1.687,5	47,6	6,2	1,7	27,1
GEX	1.370,7	42,8	24,4	2,0	9,3

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.930,5		18,8	4,6	26,4
MCH	6.881,8	84,5	25,4	10,0	46,4
VNM	4.849,1	51,0	13,6	4,2	29,9
MSN	4.282,7	75,8	28,8	3,2	12,5
SAB	2.228,2	41,5	13,3	2,8	19,9
PNJ	1.410,8	0,3	13,0	2,8	23,1

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.762,4		21,4	1,6	8,5
BSR	4.905,8	47,4	24,8	2,1	9,0
PLX	1.886,5	5,5	18,6	1,9	10,2
PVS	743,8	33,0	10,6	1,3	12,7
PVD	694,5	37,6	17,6	1,1	6,4
OIL	581,2	6,3	35,2	1,5	4,2

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.354,1		14,6	2,2	15,8
GAS	7.183,7	46,8	16,6	2,9	18,0
POW	1.555,2	47,1	15,7	1,2	7,3
REE	1.326,7	0,0	13,8	1,7	12,7
PGV	1.021,8	50,0	7,2	1,5	23,4
DNH	683,3	0,0	19,7	3,5	17,7

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	17.117,4		35,0	4,2	26,9
VIC	55.394,2	44,7	129,0	9,9	8,0
VHM	22.319,8	41,3	14,0	2,5	19,0
KSF	3.157,1	50,0	5,2	4,9	76,7
VRE	2.554,1	37,1	10,4	1,4	14,3
BCM	2.161,7	33,0	16,3	2,5	16,5

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.413,0		9,9	1,6	17,8
VCB	18.847,4	9,8	14,1	2,2	16,7
BID	11.113,3	13,3	9,4	1,7	19,4
CTG	10.204,9	4,7	7,8	1,5	21,2
TCB	8.584,0	0,0	8,9	1,3	16,0
VPB	8.315,3	5,3	9,1	1,3	15,5

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.621,2		49,0	6,1	-58,0
VPL	5.863,3	47,3	140,1	4,2	3,2
MWG	4.533,4	0,5	17,0	3,7	23,3
VJC	4.003,4	23,5	47,8	4,3	10,1
HVN	2.729,4	21,7	7,9	12,1	-352,7
FRT	976,5	16,6	32,4	6,2	26,1

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.930,5		18,8	4,6	26,4
HPG	6.881,8	26,4	25,4	10,0	46,4
GVR	4.849,1	12,3	13,6	4,2	29,9
MSR	4.282,7	99,9	28,8	3,2	12,5
KSV	2.228,2	0,0	13,3	2,8	19,9
DCM	1.410,8	39,4	13,0	2,8	23,1

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.762,4		21,4	1,6	8,5
DHG	4.905,8	46,0	24,8	2,1	9,0
IMP	1.886,5	27,1	18,6	1,9	10,2
DHT	743,8	9,2	10,6	1,3	12,7
DVN	694,5	0,0	17,6	1,1	6,4
DBD	581,2	84,6	35,2	1,5	4,2

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.354,1		14,6	2,2	15,8
FPT	7.183,7	16,3	16,6	2,9	18,0
CMG	1.555,2	12,5	15,7	1,2	7,3
SAM	1.326,7	48,5	13,8	1,7	12,7
SGT	1.021,8	-5,5	7,2	1,5	23,4
ELC	683,3	46,7	19,7	3,5	17,7

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

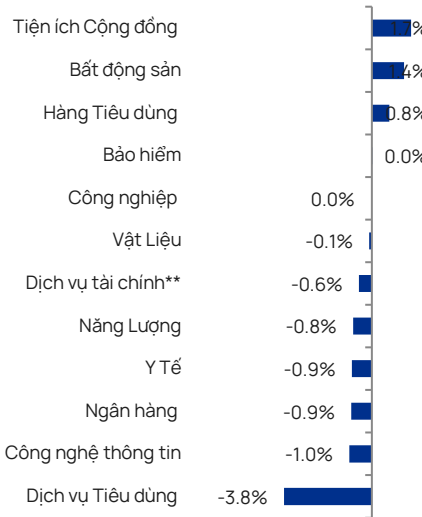
** ngoại trừ ngân hàng

Diễn biến hằng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh (HSX)



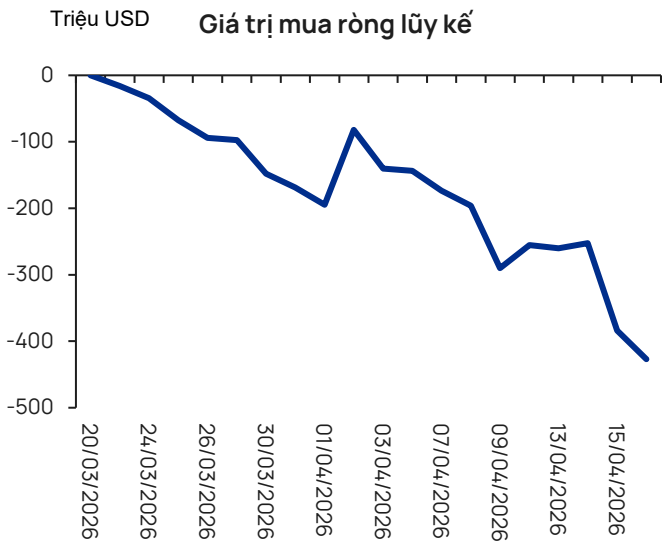
Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



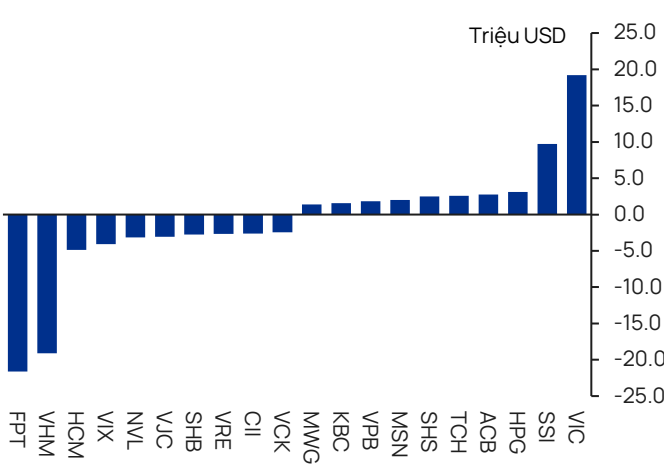
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày
(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày

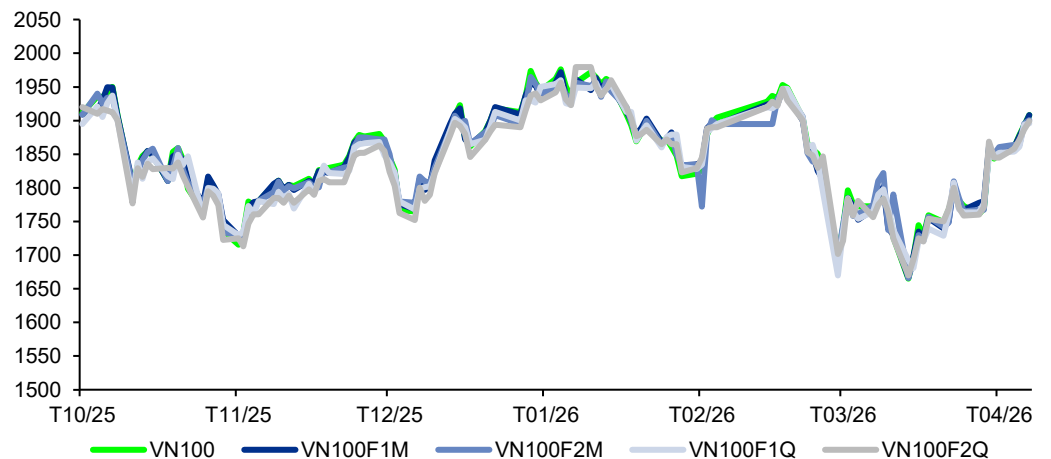
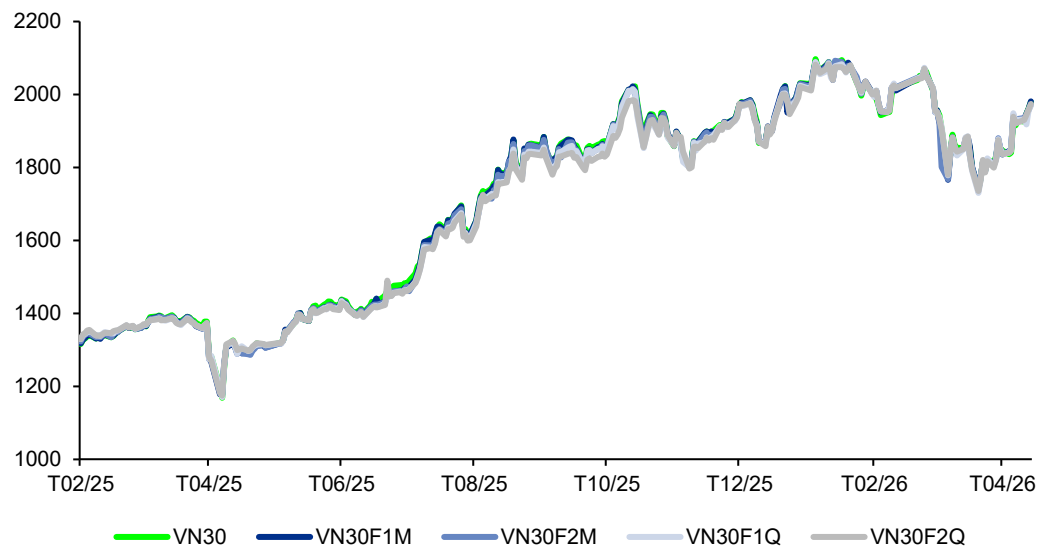


Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro
** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.980,5	19,5	1,0%	1,3
VN30F2M	1.971,9	14,9	0,8%	-7,3
VN30F1Q	1.969,9	13,1	0,7%	-9,3
VN30F2Q	1.973,7	14,8	0,8%	-5,5
VN100F1M	1.908,0	16,4	0,9%	-0,1
VN100F2M	1.900,4	4,9	0,3%	-7,7
VN100F1Q	1.896,0	2,2	0,1%	-12,1
VN100F2Q	1.898,9	11,9	0,6%	-9,2

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	N/A	N/A	160,54	-5,1%
VN30F2M	21.242	92,3%	31,42	193,6%
VN30F1Q	1.240	-6,8%	0,29	-64,5%
VN30F2Q	307	-5,2%	0,03	-14,7%
VN100F1M	N/A	N/A	0,03	-14,7%
VN100F2M	39	457,1%	0,05	1225,0%
VN100F1Q	16	45,5%	0,01	266,7%
VN100F2Q	16	0,0%	0,00	-78,6%

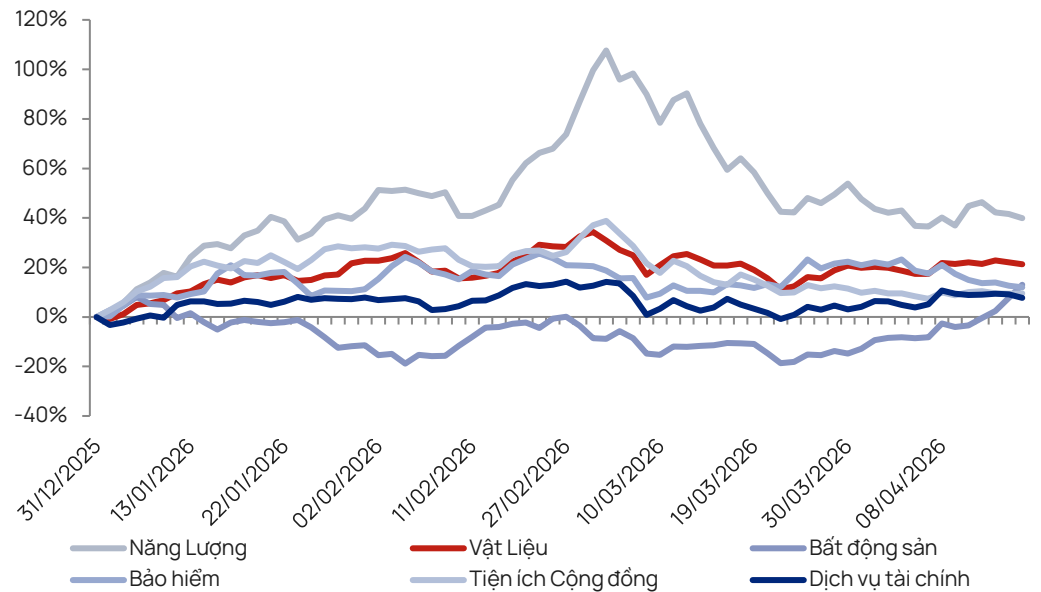


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

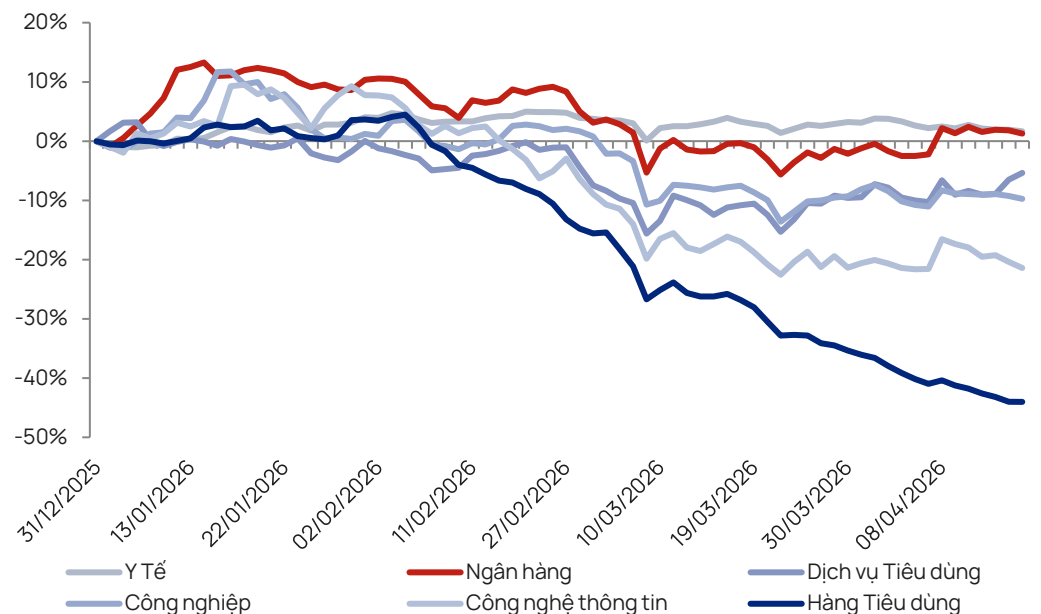
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



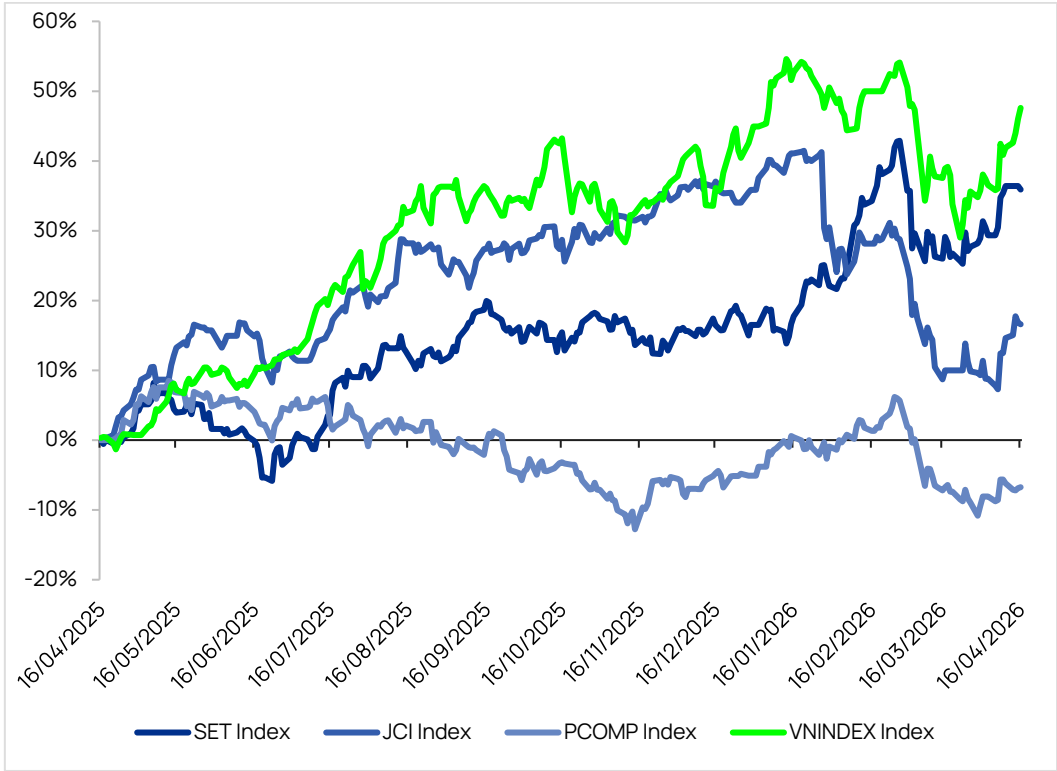
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



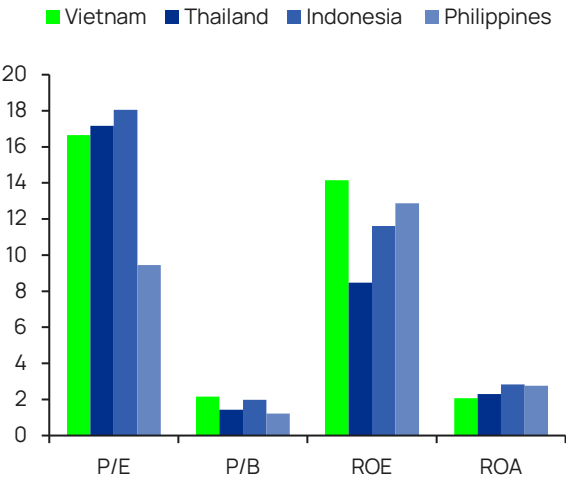
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	17,2	18,1	9,4	16,6
P/B	1,4	2,0	1,2	2,2
ROE (%)	8,5	11,6	12,9	14,2
ROA (%)	2,3	2,8	2,8	2,1
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	593,2	791,6	145,9	316,9
GTGD trung bình, tr USD	1.359,6	1.118,6	82,5	1.027,2
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	996,6	-2.246,0	26,7	-1.342,2
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	59,4	(35,2)	(50,6)	(99,6)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,57%	6,28%	6,17%	4,06%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le
Giám đốc
Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.